

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn
Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8439/SXD-QH ngày 12 tháng 11 năm 2022 về việc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy đến năm 2035 (kèm theo Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Cẩm Thủy).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Phong Sơn, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Cẩm Tú, xã Cẩm Giang;
- Phía Nam giáp: xã Cẩm Châu, xã Cẩm Yên;
- Phía Đông giáp: xã Cẩm Ngọc, xã Cẩm Yên;
- Phía Tây giáp: xã Cẩm Châu, xã Cẩm Bình.

2. Tính chất đô thị

- Là đô thị thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế văn hóa xã hội của huyện Cẩm Thủy (theo định hướng quy hoạch vùng huyện Cẩm Thủy được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 468/QĐ-UBND ngày 27/01/2022).

- Là đầu mối giao thương, dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, dịch vụ du lịch của khu vực Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa.

3. Quy mô dân số và đất đai

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2022: khoảng 25.058 người.
- Dân số dự báo đến năm 2035: khoảng 31.000 người.

(Việc dự báo quy mô dân số đô thị sẽ được tính toán, luận chứng cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).

b) Quy mô đất đai: Quy mô diện tích quy hoạch bao gồm toàn bộ thị trấn Phong Sơn: 3.441,9 ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật áp dụng

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD được ban hành theo Thông tư số: 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Các chỉ tiêu áp dụng cho đô thị loại IV, đối với khu vực dân cư hiện trạng cần sắp xếp để tổ chức thêm các chức năng công cộng, văn hóa, cây xanh, TDTT tối thiểu theo tiêu chí đô thị loại IV. Đối với các khu vực phát triển mới lựa chọn các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị 50 – 80 m²/người
- Đất đơn vị ở: 28-45 m²/người;
- Đất cây xanh trên toàn đô thị tối thiểu 8m²/người trong đó đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị tối thiểu 5 m²/người;
- Đất bãi đỗ xe đô thị: 2,5 m²/người;

4.2. Các chỉ tiêu sử dụng công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
Trường trung học phổ thông	học sinh/1000 người	40	m ² /1 học sinh	10
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
3. Sân thể thao cơ bản			m ² /người	0,6
			ha/công trình	1,0
4. Sân vận động			m ² /người	0,8
			ha/công trình	2,5
5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao			m ² /người	0,8
			ha/công trình	3,0
6. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/ 1000 người	8	ha/công trình	0,5
7. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/ 1000 người	2	ha/công trình	1,0
D. Thương mại				
8. Chợ	công trình	2	ha/công trình	1,0

4.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được xác định theo tiêu chí của đô thị loại IV.

- Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường phân khu vực tối thiểu 18% so với đất xây dựng đô thị (không bao gồm đất giao thông tỉnh).
- Chỉ tiêu điện năng: tối thiểu 1000 KWh/người/năm; chỉ tiêu phụ tải 330W/người;
- Cấp nước sinh hoạt: tối thiểu 120 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước 100%;
- Thoát nước thải: tối thiểu 90% nước cấp; Thoát nước mưa và thoát nước thải riêng biệt.
- Chất thải rắn: 0,9kg/ng/ngđ;
- Thu gom xử lý: 100%;
- Mạng cáp trong đô thị được ngầm hoá: 100%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%.

5. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch

- Nghiên cứu điều chỉnh không gian đô thị tại các khu vực đó là: Khu vực phía Bắc, phía Tây Bắc và phía Đông Nam... (với các chức năng là khu ở mới, dịch vụ thương mại);

- Điều chỉnh một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật như: Một số tuyến giao thông, đất khu Nghĩa trang, rác thải ...cho phù hợp.

- Nghiên cứu điều chỉnh về quy mô, chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khác để đảm bảo nhu cầu phục vụ của đô thị.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án.

- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.

- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung

tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh Mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

6. Các yêu cầu nghiên cứu chủ yếu

6.1. Yêu cầu về khảo sát, thu thập tài liệu.

a) Yêu cầu khảo sát, địa hình: Rà soát, kiểm tra, tận dụng khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5.000 hệ toạ độ VN2000, độ cao Nhà nước đã được thẩm định và phê duyệt.

b) Yêu cầu điều tra hiện trạng và thu thập tài liệu, số liệu:

- Yêu cầu xác định chính xác ranh giới tiếp giáp với các đơn vị hành chính lân cận (như xã Cẩm Tú, xã Cẩm Giang, xã Cẩm Bình, xã Cẩm Ngọc, xã Cẩm Yên, xã Cẩm Châu), có luận chứng và số liệu, tài liệu xác minh cụ thể.

- Các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật..., phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo, trích dẫn từ nguồn số liệu chính thức.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

- Điều tra nghiên cứu đánh giá hiện trạng cần phân tích vị trí, vai trò, mối quan hệ tổng hợp của đô thị trong tổng thể các quy hoạch liên quan, đối với toàn huyện; Sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng đô thị về các mặt tự nhiên, xã hội, dân số, đất đai, môi trường, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố ảnh hưởng tới cấu trúc đô thị....từ đó xác định động lực chính phát triển của đô thị;

- Đánh giá quỹ đất phát triển đô thị trong khu vực lập quy hoạch. Khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi để phát triển đô thị.

6.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích, các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và đánh giá môi trường chiến lược.

a) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị:

- Xác định hệ thống các trung tâm; vị trí, phạm vi, quy mô các khu chức năng trong đô thị; các khu hiện có phát triển ổn định; các khu cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp; các khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyên đổi chức năng; các khu quy hoạch xây dựng mới; các khu cấm xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển đô thị; dự kiến các khu vực xây dựng các công trình ngầm dưới mặt đất trong đô thị; xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (nếu có).

- Xác định các yếu tố tạo thị, động lực phát triển, các trục không gian phát triển chính để tổ chức các khu vực chức năng của đô thị đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững.

- Quy hoạch sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch; Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ dân cư, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình;

b) Yêu cầu về bảo tồn và phát triển cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử:

- Nêu rõ các khu vực có danh lam thắng cảnh cần bảo tồn - kết hợp di tích lịch sử định hướng trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đối với di tích lịch sử văn hoá cần cập nhật và có những đề xuất mới về quy mô, diện tích cũng như khâu chuỗi phát huy giá trị các di tích; có chiến lược phát huy, phát triển trọng điểm biến những di tích, tài sản văn hóa trở thành tiềm lực phục vụ phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch.

- Đối với các di sản, di tích đã xếp hạng các cấp phải tiến hành xác định diện tích khoanh vùng bảo vệ theo Biên bản và Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di

tích để thực hiện cấm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

- Việc bảo vệ hệ thống cảnh quan, sinh thái tự nhiên cần được phát huy đồng thời như là hệ thống hạ tầng xanh đô thị; định hướng cải tạo, phát triển cảnh quan bằng cách tạo ra thêm những vùng nước mặt, kết nối mặt nước, trồng cây xanh cho đô thị.

c) Yêu cầu về công trình hạ tầng xã hội đô thị:

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Các khu vực đất dịch vụ thương mại cần nghiên cứu tổ chức quy hoạch tại các vị trí đầu mối giao thông quan trọng, trung tâm khu ở, nhóm ở.

- Căn cứ quy mô dân số và những đặc điểm của đô thị, tính toán các chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội phù hợp các quy chuẩn hiện hành.

d) Yêu cầu về phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật; Định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt và Phương án Quy hoạch tỉnh hiện đang tổ chức lập.

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

e) Yêu cầu về thiết kế đô thị: Nghiên cứu các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị; đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị; Nghiên cứu xác định tầng cao tối đa, tầng cao tối thiểu của công trình xây dựng thuộc các khu chức năng của đô thị.

f) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược: Đánh giá các tác động môi trường đô thị và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị, nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

g) Xác định các chương trình dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện: Xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu (giai đoạn đến năm 2025) và các giai đoạn tiếp theo; Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho khu vực đô thị với yêu cầu là các dự án mang ý nghĩa tạo động lực như phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch; Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên;

h) Các yêu cầu khác: Trong quá trình nghiên cứu, đề nghị tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (Luật Đô thị; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Thủy lợi; Luật Lâm nghiệp...); hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; cập nhật các quy hoạch, dự án trong khu vực lập quy hoạch.

7. Danh mục hồ sơ đồ án:

a) Sản phẩm quy hoạch: Theo quy định tại Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng (thực hiện chuyển tiếp theo quy định tại Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng), gồm:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/10.000 – 1/25.000.

+ Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, viễn thông thụ động, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bẩn; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt của đồ án quy hoạch (phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan).

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010).

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điều 35 Luật quy hoạch đô thị 2009, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 (thực hiện chuyển tiếp theo quy định tại Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng).

b) Các yêu cầu hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định in màu theo tỷ lệ thích hợp; số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định được xác định theo yêu cầu của hội nghị;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 08 bộ in màu đúng tỷ lệ với đầy đủ thành phần kèm theo 04 bộ hồ sơ mẫu in vừa khổ giấy A0 (chủ đầu tư 01 bộ, các cơ quan thẩm định, quản lý 03 bộ), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án bao gồm bản vẽ, thuyết minh và các văn bản liên quan.

8. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện:

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện Cẩm Thủy và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Giao UBND huyện Cẩm Thủy căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt dự toán cho công tác tổ chức lập quy hoạch đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tiết kiệm kinh phí lập quy hoạch (rà soát Quy hoạch xây dựng trên địa bàn đã thực hiện để làm rõ các nội dung cần điều chỉnh, nội dung không điều chỉnh so với QHC đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 cụ thể hóa trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch).

9. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình duyệt hồ sơ: UBND huyện Cẩm Thủy.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H3.(2022)QDPD_NV QHC TT Phong Sơn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm